

BÙI MẠNH NHỊ

Phân tích tác phẩm

VĂN HỌC DẪN GIẢN

trong nhà trường



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH NHỊ

Phân tích tác phẩm

VĂN HỌC
DẪN GIẢN

trong nhà trường

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Trong chương trình Ngữ văn lớp 6 và lớp 7 Trung học cơ sở, phần văn học dân gian chiếm khối lượng tác phẩm và số tiết học khá lớn. Ở chương trình Ngữ văn lớp 10 Trung học phổ thông, phần văn học dân gian cũng có vị trí đáng kể.

Văn học dân gian, ngoài một số điểm giống với văn học viết, có bản chất và những đặc thù riêng. Cái riêng đó đòi hỏi phải được chú ý trong quá trình phân tích. Không thể phân tích một truyện cổ dân gian giống như một truyện ngắn hay một trích đoạn tiểu thuyết, tìm hiểu một bài ca dao như một bài thơ. Ngay trong lĩnh vực văn học dân gian, các tác phẩm, các thể loại khác nhau cũng phải được khai thác, giải mã khác nhau. Không thể khai thác, phân tích thân thoại giống như truyền thuyết hay truyện cổ tích, truyện cười. Cũng không thể tìm hiểu một bài ca dao như một câu tục ngữ. Phương pháp phân tích một đối tượng bao giờ cũng phải dựa trên những đặc trưng của đối tượng đó.

Tình hình dạy và học văn học dân gian ở các nhà trường hiện nay khiến chúng ta băn khoăn nhiều.

Cùng với nỗ lực của nhiều người, chúng tôi biên soạn cuốn sách này để các bạn giáo viên, các em học sinh có thêm tài liệu tham khảo cần thiết. Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở các tài liệu tác giả đã công bố, các bài viết của tác giả trong Sách Ngữ văn lớp 6, lớp 7, lớp 10 (Sách giáo khoa,

Sách giáo viên, Sách bài tập), có chỉnh sửa, bổ sung. Trong cuốn sách này, chúng tôi cố gắng khai thác những đặc điểm, giá trị cơ bản của các tác phẩm theo đúng đặc trưng của văn học dân gian, cũng như đặc trưng của từng thể loại, từng hệ thống tác phẩm. Tất nhiên, do khuôn khổ của cuốn sách và yêu cầu của đối tượng phục vụ, chúng tôi không thể khai thác hết những đặc trưng đó.

Đây không phải là giáo án, cũng không phải là sách hướng dẫn giảng dạy, học tập, mà là những gợi ý tìm hiểu, phân tích các vấn đề cơ bản trong các tác phẩm, giúp các bạn giáo viên, các em học sinh hiểu thêm các tác phẩm để từ đó tiếp tục mở rộng, đào sâu suy nghĩ, chọn lọc vấn đề, sáng tạo ra những phương pháp và hình thức giảng dạy, học tập, đọc hiểu thích hợp trong từng bài.

Cuốn sách gồm ba phần :

Phần I : *Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành.*

Phần II : *Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong chương trình Trung học phổ thông cơ sở trước đây.*

Phần III : *Một số bài viết khác của tác giả về văn học dân gian.*

Tác giả chân thành cảm ơn Dự án Phát triển giáo dục Trung học cơ sở II, Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam) đã giúp hoàn thành cuốn sách.

Hà Nội, tháng 3 năm 2012

PSG, TSKH. BÙI MẠNH NHỊ



PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGŨ VĂN PHỔ THÔNG HIỆN HÀNH

I. TRUYỆN DÂN GIAN

CON RỒNG CHÁU TIÊN

1. Một số điểm cần lưu ý về thể loại truyền thuyết

a) Truyền thuyết là truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện lịch sử, thể hiện cách đánh giá của nhân dân về những nhân vật và sự kiện đó. Truyền thuyết thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo.

b) Truyền thuyết là truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử. Chính vì vậy mà truyền thuyết có cơ sở lịch sử, cốt lõi sự thật lịch sử.

Thực ra, không chỉ truyền thuyết mà *tất cả các thể loại, tác phẩm đều có cơ sở lịch sử*. Nhưng so với các thể loại văn học dân gian khác, truyền thuyết có mối liên hệ với lịch sử đậm hơn, rõ hơn và có những đặc thù.

Khái niệm *cơ sở lịch sử* trong truyền thuyết được hiểu theo nghĩa rộng. Đó là những sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến tác phẩm. Còn cốt lõi sự thật lịch sử là những sự kiện, nhân vật lịch sử quan trọng nhất, chủ yếu nhất mà tác phẩm phản ánh hoặc làm cơ sở cho sự ra đời của tác phẩm. Ví dụ, sự kết hợp giữa các bộ lạc Lạc Việt với Âu

Việt và nguồn gốc chung của các cư dân Bách Việt là có thật. Sự sùng bái tổ tiên, một tín ngưỡng đặc sắc của dân ta, đã có từ thời cổ. Thời đại “các vua Hùng”, và “nạn lũ lụt” cùng cuộc chiến đấu bền bỉ, sáng tạo của người Việt thời các vua Hùng cũng là có thật. Đó là những cốt lõi sự thật lịch sử của các truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên* ; *Sơn Tinh, Thủy Tinh* ⁽¹⁾, v.v...

Cần chú ý rằng cơ sở lịch sử, cốt lõi sự thật lịch sử trong các truyền thuyết chỉ là cái nền, cái “phông” cho các tác phẩm. Sự thật lịch sử không phải là bản thân những sự kiện cụ thể được kể trong truyện. Không được đồng nhất lịch sử và truyền thuyết, coi truyền thuyết là lịch sử đích thực, cụ thể. Vũ Quỳnh, trong *Lời tựa* cho sách *Lĩnh Nam chích quái* đã nhận xét : “Những truyện chép ở đây là sử trong truyện chẳng”. Lịch sử trong truyền thuyết đã được nhào nặn lại, được kì ảo hoá để khái quát hoá, lí tưởng hoá nhân vật và sự kiện, làm tăng “chất thơ và mộng” cho truyện.

c) Người kể và người nghe tin truyền thuyết như là có thật, dù truyện có những chi tiết tưởng tượng kì ảo. Đây cũng là một đặc điểm tiêu biểu của truyền thuyết, khác với truyện cổ tích (khi kể và nghe truyện cổ tích, không ai tin là có thật). Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.

d) Truyền thuyết Việt Nam về thời cổ có mối quan hệ chặt chẽ với thần thoại. Chất thần thoại thể hiện, chẳng hạn, ở sự nhận thức hư ảo về con người, tự nhiên (*Con Rồng cháu Tiên* ; *Sơn Tinh, Thủy Tinh*) hoặc về mô hình thế giới (trời tròn, đất vuông – bánh chưng, bánh giầy), v.v... Nhưng những yếu tố thần thoại ấy đã được *lịch sử hoá*. Tính chất lịch sử hoá còn thể hiện ở một số điểm sau :

(1) Có thể tham khảo thêm cuốn *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983.

– Gắn tác phẩm với một thời đại lịch sử cụ thể là thời đại các vua Hùng và các tác phẩm đều có “cốt lõi” sự thật lịch sử.

– Tác phẩm thể hiện rõ sự suy tôn nguồn gốc và ý thức cộng đồng của người Việt. Chính ý thức đó đã biến một thần thoại suy nguyên về nguồn gốc con người thành một truyền thuyết về nguồn gốc dân tộc (*Con Rồng cháu Tiên*).

– Tác phẩm thể hiện rõ ý thức về tăng cường sức mạnh cộng đồng của người Việt trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên và giặc ngoại xâm (*Sơn Tinh, Thủy Tinh* ; *Thánh Gióng*).

Nói tóm lại, *tính chất lịch sử hoá* thể hiện ở chỗ, những thần thoại cổ đã được biến đổi thành những truyện kể về lịch sử nhằm suy tôn tổ tiên đã có công dựng nước và ca ngợi những sự tích thời dựng nước.

đ) Các truyền thuyết thường tồn tại theo hệ thống truyện xoay quanh một nhân vật, một sự kiện hay một thời đại, thời kì lịch sử nhất định nào đó.

e) Truyền thuyết gắn bó rất chặt chẽ với các chứng tích văn hoá và các phong tục tập quán của cộng đồng, dân tộc. Do vậy, sau mỗi bài phân tích các tác phẩm truyền thuyết, chúng tôi cố gắng cung cấp một số tư liệu về chứng tích văn hoá, phong tục tập quán có liên quan để bạn đọc tham khảo.

2. Những truyền thuyết về thời đại các vua Hùng tuy tồn tại riêng rẽ nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Có thể coi đây là chuỗi truyền thuyết. Mối liên hệ của các truyện thể hiện ở chỗ : Tất cả đều kể về công lao dựng nước, giữ nước của tổ tiên, của Lạc Long Quân – Âu Cơ, các vua Hùng, con trai, con gái, con rể của các vua Hùng. Vì vậy, cần tìm hiểu mỗi truyện trong quan hệ của nó với cả chuỗi truyện. Thêm nữa, cần thấy rằng *Con Rồng cháu Tiên* ; *Bánh chưng*,

bánh giầy ; Sơn Tinh, Thủy Tinh ; Thánh Gióng là bốn tác phẩm tiêu biểu nhất trong chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng.

3. Về thể loại của truyện *Bánh chưng, bánh giầy*

Trước đây, sách giáo khoa xếp truyện này vào thể loại truyện cổ tích là căn cứ vào tiêu chí nhân vật (Lang Liêu thuộc kiểu nhân vật người em út và người mồ côi – những nhân vật thiệt thòi nhất trong gia đình, mang phẩm chất và tài năng của nhân dân).

Bên cạnh ý nghĩa bênh vực, đề cao người em út, người mồ côi, truyện còn có ý nghĩa khác và ý nghĩa này mới là chính : giải thích nguồn gốc bánh chưng, bánh giầy và phong tục làm hai loại bánh này vào ngày Tết của dân tộc ta. Ngoài ra, truyện còn gắn với một thời đại lịch sử cụ thể là thời đại Hùng Vương ; và khi kể truyện này, trong tâm lí nhân dân, ai cũng tin là truyện có thật (dù truyện có một số chi tiết thần kì, hư cấu). Vì vậy, cùng với việc không phủ nhận một số yếu tố của truyện cổ tích trong câu chuyện, chúng ta có cơ sở để coi *Bánh chưng, bánh giầy* như một truyền thuyết.

4. *Con Rồng cháu Tiên* đã được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau : *Bọc trăm trứng, Lạc Long Quân – Âu Cơ, Âu Cơ*... Những tên gọi ấy đều do người đời sau đặt cho truyền thuyết này. *Con Rồng cháu Tiên* là một trong nhiều sự tích vốn xâu chuỗi lại chặt chẽ của hệ thống truyện *Họ Hồng Bàng*. Từ một thần thoại giàu yếu tố tưởng tượng hoang đường, truyện được nhào lại theo xu hướng lịch sử hoá, giải thích nguồn gốc dân tộc, phản ánh ý niệm về Tổ quốc, sức mạnh khai phá thiên nhiên, kiến tạo địa bàn cư trú, tinh thần đoàn kết trăm người như một của nhân dân ta ngay từ những buổi đầu mở nước.

5. Hình tượng nhân vật Lạc Long Quân và Âu Cơ có tính chất kì lạ, lớn lao, đẹp đẽ

– Lạc Long Quân là vị thần, nguồn gốc cao quý (nòi Rồng con trai thần Long Nữ) ; sinh hoạt khác thường (ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn). Chi tiết này in đậm dấu vết của việc thờ giao long làm vật tổ (một hình thức tín ngưỡng đặc sắc lúc bấy giờ) và tục xăm mình của những bộ lạc sống kế sông rạch, đầm lầy luôn phải đối phó với các loài thủy tộc hung dữ. Lạc Long Quân có sức khỏe và tài năng vô địch, lập kì tích diệt trừ yêu quái ở khắp mọi vùng : diệt Ngư Tinh dưới biển, Mộc Tinh trên rừng, Hồ Tinh ở đồng bằng. Hình ảnh đó huyền thoại hoá sức mạnh vươn lên của con người và những kì tích của tập thể bộ lạc trong công cuộc cải tạo, chinh phục thiên nhiên, chiến thắng những lực lượng xã hội đối địch để xác định địa bàn cư trú, khẳng định quyền làm chủ của cư dân Lạc Việt trên cả ba vùng : miền biển, đồng bằng, trung du. Lạc Long Quân có công lao rất lớn, dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi, ăn ở. Nhân vật này, từ xa xưa, đã được đồng nhất với biểu tượng *ông tổ của các nghề*, con người khổng lồ *khai sáng văn hoá Lạc Việt*. Như thế, Lạc Long Quân không chỉ có công sinh, mà còn có công nuôi dạy các cư dân Lạc Việt. Truyện *Họ Hồng Bàng* còn kể : Lạc Long Quân luôn bên cạnh nhân dân những khi gian nan, hoạn nạn. Hễ dân có việc, lại lớn tiếng gọi Long Quân : “Bố ơi, sao không lại cứu chúng tôi” ; Long Quân tới ngay. Sự linh hiển, cảm ứng của Long Quân, người đời không ai lường nổi. Bằng tình yêu, sự tôn kính và niềm tự hào sâu sắc, nhân dân đã viễn quanh nhân vật Lạc Long Quân những vầng hào quang huyền thoại rất đẹp.

– Âu Cơ là nàng tiên nguồn gốc cao quý (dòng họ Thần Nông), xinh đẹp tuyệt trần. Tục truyền, Lúc Âu Cơ ra đời, tất cả mọi thứ hoa ở quanh vùng đều nở ra bay ngát hương thơm. Âu Cơ đi lại nhiều nơi, thăm đất Lạc Việt có nhiều hoa thơm cỏ lạ. Truyện *Họ Hồng Bàng* kể : Âu Cơ cũng là người dạy dân cách đốt cỏ trồng lúa, làm bánh, nuôi

tầm, trồng dâu, dệt vải. Cũng như Lạc Long Quân, Âu Cơ là vị tổ, người khai sáng của nhiều nghề. Quanh hai hình tượng này, người ta thấy cái bắt đầu của mọi sự : Cây lúa đầu tiên, hạt gạo đầu tiên, chiếc bánh đầu tiên, cái lưới đầu tiên... Âu Cơ, người mẹ của dân tộc đồng thời cũng là người thầy truyền nghề, dạy nghề cho nhân dân. Công *sinh*, công *nuôi*, công *dạy* đều to lớn.

– Tóm lại, Lạc Long Quân và Âu Cơ đều là những vị thần rất đẹp, nguồn gốc cao quý. Lạc Long Quân và Âu Cơ đã có công lao vĩ đại : sự nghiệp mở nước, sự nghiệp sinh thành ra các vua Hùng, sự nghiệp phân chia các con đi xây dựng, cai quản các miền đất nước.

6. Câu chuyện hấp dẫn người nghe với những chi tiết kì lạ : Rồng ở dưới nước và Tiên ở non cao gặp nhau, yêu nhau, kết duyên vợ chồng. Cuộc hôn nhân của cặp nhân thần này là điểm đỉnh sự phát triển của kết cấu thần thoại về nguồn gốc thế giới và muôn loài theo tư duy lưỡng hợp (chia hai, hoà một)⁽¹⁾. Đó cũng là biểu tượng sự kết hợp của hai thành phần chính trong cộng đồng mới hình thành. Cư dân nước Văn Lang đời Hùng Vương chủ yếu là người Lạc Việt và Âu Việt. Vừa là đồng chủng, vừa là láng giềng, từ lâu, người Lạc Việt và Âu Việt đã có nhiều quan hệ kinh tế và văn hoá. Cuộc hôn nhân thần thoại của Lạc Long Quân và Âu Cơ phản ánh *mối quan hệ và sự thống nhất giữa những cư dân Lạc Việt và cư dân Âu Việt của tập thể cộng đồng Văn Lang*.

Cuộc hôn nhân thần tiên đã dẫn tới kết quả hết sức lạ lùng : Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, bọc nở ra một trăm con trai mặt mũi khôi ngô, không cần bú mớm mà lớn nhanh như thổi, khoẻ mạnh như thần. Giống như mô-típ từ quả bầu sinh ra các dân tộc, bọc trăm

(1) Ví dụ : chim – thưởng lưỡng (Rùa – giải), Đất (hoặc núi, non) – Nước (hoặc sông), Đực – Cái...

trúng là hình ảnh tượng trưng về một cội nguồn thống nhất và tình anh em cùng chung lòng mẹ, tinh thần đoàn kết thiêng liêng giữa các tộc người của cộng đồng Việt Nam, sự sinh sôi nảy nở của giống nòi. Ngay từ buổi đầu mở nước, dân tộc ta đã tiến hành cuộc sắp đặt giang sơn hùng vĩ, cuộc thiên di, phân tán và tập hợp khác nhau để định cư và xây dựng nên cơ đồ gồm 15 bộ của đất nước Văn Lang. Địa bàn đất nước rộng, dân tộc phải biết phân nhau mà cai quản, xây dựng ; mỗi người phải biết phát huy cái mạnh vốn có của mình. Sự kiện vĩ đại đó chính là “cốt lõi sự thật lịch sử” của hình ảnh huyền thoại rất đẹp : Lạc Long Quân đưa 50 con xuống biển, Âu Cơ đưa 50 con lên núi, chia nhau cai quản giang sơn ; kẻ miền núi, người miền biển chứa chan tình cảm thủy chung, khi có việc thì giúp đỡ nhau không quên lời hẹn.

Truyện kết thúc với cảnh nòi giống Tiên Rồng lập nước Văn Lang, xây dựng thời đại Hùng Vương có quy củ, bề thế, vững bền.

7. Câu chuyện có nhiều yếu tố tưởng tượng, hoang đường, nhiều chất thơ và mộng, bắt nguồn từ thực tế và những sự kiện lịch sử của dân tộc ta giai đoạn Hùng Vương dựng nước. Truyện ngắn gọn, súc nén, súc chứa lớn, có thể coi là một nút chính của pho anh hùng ca của người Việt cổ. Các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện có vai trò, ý nghĩa tô đậm tính chất kì lạ, cao đẹp của các nhân vật, sự kiện, thần thánh hoá, linh thiêng hoá nguồn gốc giống nòi, làm tăng sức hấp dẫn của truyện.

8. Tổ tiên ta sáng tác câu chuyện này trước hết nhằm giải thích một cách tự hào rằng nguồn gốc dân tộc ta là cao quý (con Rồng cháu Tiên), con cháu của những người anh hùng, tài giỏi, đẹp đẽ. Truyện đã thần kì hoá, thần thánh hoá nguồn gốc dân tộc, giống nòi để chúng ta thêm tự hào, tin yêu, tôn kính tổ tiên mình.

Truyện cũng đã biểu hiện tư tưởng, tình cảm hướng về một chính thể thống nhất trong xây dựng và đấu tranh, nguyện vọng đoàn kết dân tộc của người Việt Nam ở khắp nơi mọi miền Tổ quốc, từ miền xuôi đến miền ngược, từ vùng núi rừng đến miền biển. Tư tưởng, tình cảm đó vốn có cội nguồn rất sâu, từ thuở khai thiên lập địa. Mỗi người Việt Nam dù ở đâu, ăn đâu, làm đâu, cũng đều có chung một bọc trong bào thai của người mẹ Tổ quốc. Từ “đồng bào” trong tiếng Việt ta cũng bắt nguồn từ sự tích này.

Vang lên trong truyện còn có những âm hưởng ngợi ca công lao dựng nước của các vị vua Hùng, ý thức về địa bàn cư trú và về quê cha đất tổ của mọi thành viên trong tập thể cộng đồng. Truyện còn cho thấy ý thức dân tộc và ý thức lịch sử của nhân dân ta có từ rất sớm.

BÁNH CHUNG, BÁNH GIẤY

Hằng năm, mỗi khi xuân về tết đến, nhân dân ta – con cháu của các vua Hùng – từ miền ngược đến miền xuôi, vùng rừng núi cũng như vùng biển, lại nô nức, hồ hởi chờ lá dong, xay đỗ, giã gạo gói bánh. Quang cảnh ấy làm chúng ta thêm yêu quý, tự hào về nền văn hoá cổ truyền, độc đáo của dân tộc và như làm sống lại truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy. Đây là truyền thuyết giải thích phong tục làm bánh chưng, bánh giầy trong ngày tết, đề cao sự thờ kính Trời, Đất và tổ tiên của nhân dân, đồng thời ca ngợi tài năng, phẩm chất của cha ông ta trong việc tìm tòi, xây dựng nền văn hoá đậm đà màu sắc, phong vị dân tộc.

1. Vua Hùng chọn người nối ngôi

Bấy giờ giặc ngoài đã yên, đất nước thái bình, vua có thể tập trung chăm lo cho muôn dân được no ấm. Vua đã già, muốn truyền

ngôi. Vua có hai mươi người con trai, muốn người nối ngôi phải nổi được chí mình, không nhất thiết phải là con trưởng. Chọn ai đây ? Biết ai có chí, ai không ? Vua bèn nghĩ ra cuộc thi tài : Hễ người con nào vừa ý vua, sẽ truyền được ngôi. Trong truyện cổ dân gian, thi tài là một trong những loại thử thách khó khăn đối với các nhân vật. Cuộc thi lại nhằm vào ngày Tiên Vương (vua đời trước) để tỏ lòng biết ơn công lao của tổ tiên, ông cha và cũng là để tổ tiên, ông cha chứng giám. Một ý định thật đẹp, sáng ý, trọn tình.

2. Lang Liêu thi tài

Hầu hết những người con trai của vua Hùng đều náo nức thi tài, ai cũng muốn ngôi báu về mình. Họ đã làm những mâm cỗ thật hậu, thật ngon dâng vua.

So với những anh em khác, Lang Liêu thiệt thòi nhất. Liêu là con thứ mười tám, mẹ bị vua ghẻ lạnh, ốm mà chết. Từ khi lớn lên, ra ở riêng, Liêu chỉ biết làm bạn với ruộng đồng, cây lúa, củ khoai. Liêu có cuộc đời, thân phận rất giống với người em út trong truyện cổ tích thần kì, một loại nhân vật cần cù, chịu thương chịu khó, thật thà nhưng cô đơn, bị thua thiệt nhất trong gia đình. Lang Liêu *thân là con vua nhưng phận thì rất gần gũi với những người dân nghèo khổ*. Kể về Lang Liêu như thế, nhân dân muốn kéo nhân dân về với mình, là hình bóng của chính mình.

Lang Liêu nằm mộng thấy thần đến khuyên bảo. Đây là chi tiết thần kì làm tăng sức hấp dẫn cho truyện. Lang Liêu đã được thần giúp đỡ. Thần cũng chính là nhân dân. Suy nghĩ của thần chính là kết tinh những suy nghĩ, tâm tư của dân. Ai có thể suy nghĩ về lúa gạo sâu sắc, trân trọng, nâng niu hạt ngọc của trời đất và cũng là giọt mồ hôi công sức của con người như thế, nếu không phải là người đã vất vả một nắng hai sương làm ra nó ? Thần mách bảo trong thế gian không gì

quý bằng gạo, chỉ có gạo mới nuôi sống con người, nó lại do con người làm ra, thể hiện tài năng và phẩm chất của con người. Các thứ khác tuy ngon nhưng hiếm, cũng không phải do người làm ra. Thế mới biết, nhân dân, ngay từ xưa, đã quý trọng những cái gì nuôi sống mình, những cái gì do chính mình làm ra được.

Đem cái quý nhất trong trời đất do chính tay mình làm ra mà tiến cúng Tiên Vương, dâng lên cha thì đúng là đứa con thảo ngay, yêu quý, trân trọng những thế hệ, những người đã có công sinh thành, nuôi dưỡng. Suy nghĩ như thế cũng chính là hợp và nối được chí của vua cha.

Lang Liêu đã làm theo lời thần, chọn những hạt gạo nếp đẹp, thơm nhất, đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn đùm lại thành hình vuông, luộc kĩ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy, Lang Liêu đồ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn. Với tất cả suy nghĩ, tình cảm, tài năng, phẩm chất của mình, Lang Liêu đã làm những chiếc bánh ngon và đẹp, giàu ý nghĩa hơn tất cả những sơn hào, hải vị, nem công, chả phượng do những người khác mang tới. Các lang khác chỉ biết mang tiến cúng Tiên vương sơn hào hải vị – những món ăn ngon nhưng vật liệu để chế biến thành các món ăn ấy thì con người không làm ra được. Những món ăn ấy giàu vật chất nhưng lại nghèo ý nghĩa tinh thần. Tìm cái độc đáo, cái phi thường từ những cái khác lạ cũng khó ; nhưng tìm cái độc đáo, cái phi thường từ những cái bình thường lại càng khó hơn. Vua Hùng, với con mắt tinh đời, đã biết hướng về cái bình thường, chân chất nhưng chứa đựng cái phi thường và vô cùng sâu sắc. “Cái giỏi của Lang Liêu, cái con mắt tinh đời của vua Hùng, cũng là cái sáng giá trong bảng giá trị của dân tộc Việt Nam là tìm cái phi thường trong cái bình thường.” (Trần Quốc Vượng, *Lang Liêu của bánh chưng*, Báo Nhân dân, số Xuân, năm 1979).

Chồng bánh chưng, bánh giầy của Lang Liêu đã được chọn để tế trời đất, Tiên Vương. Lang Liêu, con người tài năng, hiếu thảo, được chọn nối ngôi vua.

Lời vua nói với mọi người về hai loại bánh là cách “đọc”, cách “giải mã”, cách “thưởng thức”, nhận xét về văn hoá, về con người. Nhận xét của vua về bánh chưng, bánh giầy cũng chính là ý nghĩa, tư tưởng, tình cảm của nhân dân về hai loại bánh này nói riêng và về phong tục làm hai loại bánh vào ngày Tết nói chung.

3. Ý nghĩa của truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*

– Trước hết, truyện nhằm giải thích nguồn gốc sự vật. Trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam có một hệ thống truyện hướng tới mục đích trên như : *Sự tích trầu cau* giải thích nguồn gốc của tục ăn trầu ; *Sự tích dưa hấu* giải thích nguồn gốc dưa hấu, v.v... Còn *Bánh chưng, bánh giầy* giải thích nguồn gốc hai loại bánh này.

– *Bánh chưng, bánh giầy* có ý nghĩa đề cao cây lúa, hạt gạo, đề cao nghề nông, đề cao lao động sáng tạo, đề cao truyền thống văn hoá của cha ông. Trong lịch sử buổi đầu dựng nước, làm ra lúa gạo đã là một kì tích văn hoá ; biết dùng sản phẩm lúa gạo, sản phẩm trồng cấy, chăn nuôi để tạo ra những món ăn mới, món ăn ngon cũng là kì tích không kém. *Bánh chưng, bánh giầy* gói ghém những đặc sắc của cả một nền văn minh đất nước nông nghiệp, chứng tỏ tư tưởng, tình cảm, tài năng sáng tạo của nhân dân. Bánh tượng trời mịn và trắng, được làm bằng cơm nếp dẻo, giã kĩ, nặn khum khum như vòm trời. Còn bánh tượng đất ? Đất có cây cỏ, đồng ruộng, núi rừng thì màu xanh xanh, hình phải vuông vắn. Gạo phải là yếu tố của bánh vì ở trần gian không gì quý bằng lúa gạo. Trong bánh còn có thịt, nhân đồ để lấy ý nghĩa đất nuôi dưỡng, ấp ủ mầm thú, cỏ cây. Gạo thịt, đó là sản phẩm của trồng trọt, chăn nuôi. Lá gói bánh là lá dong ngoài vườn nhà hay lá dong

rừng, lấy sẵn của thiên nhiên Việt Nam. Thêm nữa, “cái đặc sắc, độc đáo của bánh chưng không phải chỉ là, thậm chí không phải chủ yếu là ở từng *yếu tố* hợp thành mà là ở *cấu tạo* của bánh, nó tạo nên nét khác biệt trong hình khối, màu sắc, hương vị của bánh chưng so với các loại xôi đỗ và bánh nếp khác” (Trần Quốc Vượng, Sdd).

Bánh chưng, bánh giầy chân chất, bình dị, thanh nhã. Có màu sắc. Có hương thơm. Và có phải, có gì reo vui, náo nức ở từng màu sắc, hương vị ấy ? Reo vui, náo nức vì đời sống ấm no, con người tự tạo ra hạnh phúc. Bánh chưng, bánh giầy đã góp phần tạo nên đặc sắc của nền văn hoá ẩm thực của dân tộc. Lang Liêu, nhân vật chính trong truyện, vì thế, chính là một *người anh hùng văn hoá*. Bánh chưng, bánh giầy càng có ý nghĩa bao nhiêu, càng nói lên tài năng, phẩm chất của Lang Liêu bấy nhiêu. “Huyền thoại quy công sáng tạo bánh chưng cũng như bánh giầy cho Lang Liêu, một người con thứ của vua Hùng, Tổ dựng nước Việt Nam. Cũng như “vua Hùng”, “Lang Liêu” là một khái niệm về “anh hùng văn hoá”, nó không có y nguyên trong *cá thể* (cá nhân) nhưng có trong cộng thể của nhân dân, dân tộc Việt Nam. Lang Liêu, tuy là con thứ, nhưng có tài năng sáng tạo, làm ra bánh chưng, bánh giầy, cho nên được vua cha truyền ngôi. Tuy cũng là cha truyền con nối, như xu hướng phổ quát của lịch sử loài người, nhưng không truyền cho con trai trưởng (theo lí), cũng không truyền cho con trai của một bà ái phi nào (theo tình), mà truyền cho con nào hiền tài ; đó là sự kết hợp giữa truyền tử và truyền hiền, đó là sự hoà hợp lí tình của người xưa” (Trần Quốc Vượng, Sdd).

Nét độc đáo của bánh chưng, bánh giầy còn là hình dáng gắn với quan niệm, triết lí “trời tròn, đất vuông” của người xưa. Bánh giầy tượng hình bầu trời, bánh chưng tượng hình mặt đất. Cắt nghĩa như thế, cha ông bộc lộ cái nhìn và muốn chiếm lĩnh vũ trụ bao la. Hình dáng bánh chưng, bánh giầy cũng chứa đựng tấm lòng, tâm tình của

con cháu tôn công lao cha mẹ, tổ tiên như trời, như đất. Bánh chưng, bánh giầy vui lòng hiếu dưỡng, ấm tình cảm của con người.

Bánh chưng, bánh giầy đã đi vào phong tục ngày Tết cổ truyền của dân tộc ta. Phong tục ấy mang biểu tượng về trời đất, cầm thú, muôn loài, tài năng, tình cảm của nhân dân. Nhân dân ta đã xây dựng phong tục của mình từ những cái bình thường, giản dị nhưng rất giàu ý nghĩa.



THAM KHẢO TƯ LIỆU VỀ BÁNH TÉT

Bánh tét, có nơi gọi là bánh đòn, là một loại bánh trong ẩm thực của cả người Kinh và một số dân tộc ít người ở miền Nam và miền Trung Việt Nam, là nét tương đồng của bánh chưng ở miền Bắc về nguyên liệu, cách nấu, chỉ khác về hình dáng và sử dụng lá chuối để gói thay vì lá dong, nhưng cũng có nhiều bánh tét nhân chuối hay đậu đen. Vì vậy, nó cũng được sử dụng nhiều nhất trong dịp Tết Nguyên đán cổ truyền của dân tộc Việt Nam với vị trí không khác bánh chưng.

Ở các vùng trung du và miền núi phía Bắc cũng có loại bánh tương tự, có tên là bánh tày. Đây là loại bánh Tết thông dụng ở vùng cổ đô Cổ Loa, Kinh Bắc, của các dân tộc ít người miền Bắc. Giáo sư Trần Quốc Vượng cho rằng bánh chưng cổ, nguyên thủy là hình tròn như bánh tét hay bánh tày. Cũng có ý kiến lí giải là do các chúa Nguyễn muốn tạo sự khác biệt trong văn hoá khi đất nước trong giai đoạn Trịnh – Nguyễn phân tranh.

Bánh tét có hình trụ, dài nên còn được gọi là đòn bánh, hai đòn thường có một quai bánh chung bằng gân lá chuối tạo thành một cặp. Do có hình trụ, nên khi nấu xong không thể ép bớt nước được và cả do dùng lá chuối nên bánh để không được lâu. Để khắc phục, người ta thường làm bánh không có nhân thịt để có thể để được lâu hơn hoặc

dùng ăn chay với nhân có thể là chuối chín. Bánh được đánh giá là gói khéo khi bánh được làm tròn đều, buộc chặt, nhân bánh nằm chính giữa, có nghệ nhân còn gói nhân khi cắt ra có hình tam giác.

Bánh tét ngày Tết thường để được vài ngày, thường được nấu vào đêm giao thừa để những ngày Tết có thể dùng để ăn với dưa món và thịt kho, những ngày này, theo tục lệ người Việt là không sử dụng bếp núc. Đây thường là bánh tét nhân mặn với thịt, mỡ và đậu xanh, dùng cho nhiều người ăn. Ngoài ra, còn có bánh tét nhân ngọt với nhân chuối hoặc đậu xanh, loại to dùng cho nhiều người ăn, loại nhỏ dùng cho một người ăn.

(Nguồn : <http://vi.wikipedia.org>)

THÁNH GIÓNG

1. Chủ đề đánh giặc cứu nước thắng lợi là chủ đề lớn, cơ bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian Việt Nam nói riêng. *Thánh Gióng* là truyện dân gian thể hiện rất tiêu biểu và độc đáo chủ đề này. Truyện kể về ý thức và sức mạnh đánh giặc có từ rất sớm của người Việt cổ.

Truyện *Thánh Gióng* còn được gọi là *Ông Gióng* hoặc *Phù Đổng thiên vương*, kể về Thánh Gióng có công dẹp giặc Ân xâm lược, giữ gìn độc lập tự do cho nhân dân, tiêu biểu cho tinh thần và truyền thống yêu nước Việt Nam. Có mầm mống từ thời Hùng Vương, tiếp tục được sáng tạo lưu truyền vào các thời đại sau, truyện đã phát triển từ hẹp đến rộng, thu hút và đồng hoá nhiều sự tích khác, đi từ truyện về anh hùng bộ lạc đến truyện về anh hùng dân tộc, có ý nghĩa khái quát và tổng hợp lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. *Thánh Gióng* thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, thuộc loại tác phẩm hay nhất cho chủ đề này. Hình ảnh Thánh Gióng phá giặc Ân trở thành

biểu tượng kì vĩ, sinh động của sức sống dân tộc, nêu cao ý chí, tài năng và sức mạnh vùng lên của một tập thể cộng đồng tuy nhỏ nhưng kiên quyết đánh bại mọi kẻ thù xâm lăng lớn mạnh.

Thánh Gióng có nhiều chi tiết nghệ thuật hay và đẹp, chứng tỏ tài năng sáng tạo của tập thể nhân dân ở nhiều nơi, nhiều thời. Câu chuyện dân gian này đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục lòng yêu nước và bảo vệ truyền thống anh hùng dân tộc qua các thời đại cho đến ngày nay.

2. Truyện *Thánh Gióng* có nhiều dị bản. Có thể tìm hiểu thêm văn bản truyện này trong *Việt điện u linh* của Lí Tế Xuyên, *Lĩnh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh – Kiều Phú, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đồng Chi, v.v... Đặc biệt, cần tìm đọc thêm những câu chuyện dân gian vùng trung châu về Gióng và các nhân vật liên quan đến Gióng (chương “Đất nước vùng trung châu kể chuyện ông Dóng”, trong sách *Người anh hùng làng Dóng*, Cao Huy Đình, Nxb Khoa học xã hội, 1969). Cần chú ý : ngoài truyện, nhân dân còn kể về Thánh Gióng bằng thơ, vè. Thánh Gióng đã trở thành một hình tượng luôn có mặt trong lịch sử văn học Việt Nam. Ví dụ :

– Bầy nông côm, ba nông cà
Uống một hơi nước, cạn đà khúc sông.
– Đứa con trai nọ
Thật rõ lạ đời
Chẳng nói chẳng cười
Bỗng người lớn tướng
Hay là nghiệp chướng
Hay tướng trời sinh (...)